

THÔNG BÁO

Về việc công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách Quý II năm 2026

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý II năm 2026 như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Thực hiện năm 2025	Dự toán giao năm 2026	Thực hiện quý II năm 2026	Thực hiện quý II năm 2026/Dự toán giao năm 2026 (tỷ lệ %)	Thực hiện quý II năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6	7
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
I	Tổng số thu					
	- Học phí, lệ phí, hoạt động tài chính					
	- Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ khác					
II	Chi từ nguồn thu được để lại					

Số TT	Nội dung	Thực hiện năm 2025	Dự toán giao năm 2026	Thực hiện quý II năm 2026	Thực hiện quý II năm 2026/Dự toán giao năm 2026 (tỷ lệ %)	Thực hiện quý II năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	- Học phí, lệ phí, hoạt động tài chính					
	- Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ khác					
III	Số nộp NSNN					
	- Từ nguồn thu hoạt động sản xuất kinh doanh					
	- Từ nguồn thu khác					
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	79.523.110.528	100.211.492.012	24.658.597.326		
A	Vốn trong nước	77.393.753.772	99.111.492.012	24.658.597.326	24,88	
I	Giáo dục, đào tạo	69.140.646.472	86.479.284.712	23.710.723.439	27,42	
1	Loại 070 - khoản 074					
1.1	Kinh phí thường xuyên					
1.2	Kinh phí không thường xuyên					
2	Loại 070 - khoản 081	65.940.646.472	81.479.284.712	20.975.701.554	25,74	
2.1	Kinh phí thường xuyên	53.789.646.472	54.039.284.712	19.058.567.939	35,27	
2.2	Kinh phí không thường xuyên	12.151.000.000	27.440.000.000	1.917.133.615	6,99	
3	Loại 070 - khoản 082	3.200.000.000	5.000.000.000	2.735.021.885	54,70	
3.1	Kinh phí thường xuyên	3.200.000.000	5.000.000.000	2.735.021.885	54,70	
3.2	Kinh phí không thường xuyên					
II	Khoa học và Công nghệ					
1	Loại 100- khoản 101	5.002.107.300	9.452.607.300	0		
1.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	5.002.107.300	9.452.607.300			
2	Loại 100 - khoản 102					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
2.2	Kinh phí thường xuyên					
2.3	Kinh phí không thường xuyên					
3	Loại 100 - khoản 103					

Số TT	Nội dung	Thực hiện năm 2025	Dự toán giao năm 2026	Thực hiện quý II năm 2026	Thực hiện quý II năm 2026/Dự toán giao năm 2026 (tỷ lệ %)	Thực hiện quý II năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
3.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
3.2	Kinh phí thường xuyên					
3.3	Kinh phí không thường xuyên					
III	Sự nghiệp bảo vệ môi trường					
1	Loại 250 - khoản 251					
1.1	Kinh phí thường xuyên					
1.2	Kinh phí không thường xuyên					
IV	Đào tạo học sinh Lào - Campuchia					
1	Loại 400 - khoản 402	3.251.000.000	3.179.600.000	947.873.887	29,81	
1.1	Kinh phí thường xuyên					
1.2	Kinh phí không thường xuyên	3.251.000.000	3.179.600.000	947.873.887	29,81	
B	Vốn ngoài nước					
I	Giáo dục, đào tạo					
1	Loại 070 - khoản 081					
II	Kinh phí tài trợ viện trợ loại 400-402	2.129.356.756	1.100.000.000			
1	Kinh phí không thường xuyên					

Ngày 7 tháng 7 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)

Nơi nhận:

- BGH (để b/c);
- Các cơ quan, đơn vị (để biết);
- Lưu: VT; KHTC.



GS.TS. Hoàng Anh Tuấn